HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 9 31 01 02

HÀ NỘI - 2023

Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Vũ Văn Phúc**

2. TS. Nguyễn Thanh Sơn

Phản biện 1: .....
.....

Phản biện 2: .....
.....

Phản biện 3: .....
.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Vào hồi.....giờ....., ngày.....tháng..... năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài luận án

Trong bối cảnh cách mạng khoa học và công nghệ (KH&CN) phát triển mạnh mẽ, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư, việc ứng dụng và phát triển công nghệ cao (CNC) đã trở thành nền tảng quan trọng mang tính chiến lược trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, đảm bảo phát triển bền vững của các quốc gia. Trước xu thế đó, phát triển doanh nghiệp CNC là một đòi hỏi tất yếu của các nước, yêu cầu các doanh nghiệp không chỉ có khả năng khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, mà còn phải nhanh nhạy trong việc phát triển, ứng dụng các tiến bộ khoa học và CNC, đổi mới sáng tạo, gắn chiến lược sản xuất, kinh doanh với hoạt động nghiên cứu khoa học, để đạt được hiệu quả kinh tế cao. Doanh nghiệp CNC có thể nằm riêng lẻ, có thể được thu hút tập trung vào một khu gọi là khu CNC.

Việt Nam cũng như các nước trên thế giới, khu CNC là một khu kinh tế - kỹ thuật được xây dựng và phát triển trên cơ sở CNC, nhằm tập trung thu hút các doanh nghiệp CNC trong và ngoài nước, đồng thời huy động các nguồn lực về khoa học và CNC, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kết hợp hiệu quả giữa sản xuất kinh doanh với nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao, phát triển CNC và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho công nghiệp CNC, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong khu CNC, các doanh nghiệp CNC có vai trò cực kỳ quan trọng. Cùng với việc đóng vai trò là các chủ thể nghiên cứu, chuyển giao, phát triển CNC, các doanh nghiệp CNC còn là đầu tàu giữ vai trò hỗ trợ, bổ sung cho các doanh nghiệp khác tạo thành mối liên kết cùng hợp tác, cùng cạnh tranh và cùng nhau phát triển...

Thành phố Đà Nẵng là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Thành phố đã xác định đầu tư vào lĩnh vực CNC là định hướng chiến lược trong mục tiêu phát triển theo hướng xanh, bền vững. Để đáp ứng yêu cầu phát triển, Đà Nẵng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1979/QĐ-

TTg ngày 28/10/2010 về việc thành lập khu CNC trên địa bàn thành phố nhằm thúc đẩy đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ - doanh nghiệp công nghệ cao; hình thành và phát triển các ngành công nghệ cao, gắn kết hiệu quả giữa nghiên cứu, ứng dụng với sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của Đà Nẵng, góp phần phát triển KH&CN của Đà Nẵng nói riêng và khu vực miền Trung - Tây Nguyên nói chung. Do đó, Chính phủ và chính quyền thành phố đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội đối với khu CNC Đà Nẵng từ khi thành lập đến nay. Đặc biệt, không nằm ngoài xu thế tất yếu, Ban Quản lý (BQL) khu CNC và các khu công nghiệp Đà Nẵng đã rất quan tâm, không ngừng nỗ lực triển khai các hoạt động xúc tiến thu hút các dự án đầu tư để phát triển doanh nghiệp CNC theo đúng định hướng và phù hợp với tiềm năng của địa phương. Bước đầu, doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đã có sự gia tăng về số lượng, có hiệu quả về chất lượng, tạo lập nền tảng để phát triển các ngành CNC mũi nhọn và đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng kinh tế của thành phố. Tuy nhiên, các doanh nghiệp CNC ở khu CNC Đà Nẵng vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế, khó khăn dẫn đến tình trạng: sản xuất kinh doanh thiếu ổn định, doanh thu từ sản phẩm CNC của doanh nghiệp chưa nhiều, chi đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) chưa được chú trọng đúng mức, số lượng lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện R&D trên tổng số lao động của một số doanh nghiệp biến động lớn...

Trong bối cảnh CMCN lần thứ tư, việc nghiên cứu vấn đề lý luận và thực tiễn về doanh nghiệp CNC, đánh giá thực trạng doanh nghiệp CNC, tìm ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của nó, từ đó đề xuất quan điểm và giải pháp phát triển doanh nghiệp CNC ở khu CNC Đà Nẵng là vấn đề cấp bách và có ý nghĩa thực tiễn đối với địa phương.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, nghiên cứu sinh (NCS) chọn chủ đề ***"Doanh nghiệp công nghệ cao ở Đà Nẵng trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư"*** làm đề tài luận án tiến sỹ chuyên ngành kinh tế chính trị.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích và đánh giá thực trạng của doanh nghiệp CNC trong giai đoạn 2010 - 2022, luận án đề xuất giải pháp nhằm phát triển doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đến năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về doanh nghiệp CNC trong bối cảnh CMCN lần thứ tư.

- Phân tích, đánh giá thực trạng doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng giai đoạn 2010 - 2022.

- Đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm phát triển doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đến năm 2030.

3. Các câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài này sẽ tập trung trả lời các câu hỏi sau:

- Phát triển doanh nghiệp CNC trong bối cảnh CMCN lần thứ tư là như thế nào? Nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp CNC là gì?

- Thực trạng của doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng trong giai đoạn 2010 - 2022 như thế nào? Vấn đề gì đang đặt ra?

- Cần có giải pháp gì để phát triển doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng trong bối cảnh CMCN lần thứ tư đến năm 2030?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng trong bối cảnh CMCN lần thứ tư.

Luận án tiếp cận theo đối tượng của kinh tế chính trị: Nghiên cứu quan hệ sản xuất trong mối liên hệ với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

Về quan hệ sản xuất: nghiên cứu mối quan hệ giữa các chủ thể trong việc thu hút, phát triển doanh nghiệp CNC. Trong đó, chính quyền nhà nước là trọng tâm, thông qua các cấp chính quyền, Ban quản lý khu CNC,

các doanh nghiệp, các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu liên kết phối hợp.

Về lực lượng sản xuất: Nghiên cứu các nguồn lực, điều kiện để doanh nghiệp CNC hoạt động, gồm: Vốn; con người; cơ sở vật chất kỹ thuật và khoa học công nghệ.

Về kiến trúc thượng tầng: Vai trò và năng lực, quyền hạn của chính quyền
nhà nước các cấp và các chủ thể liên quan trong thực hiện cơ chế, chính sách thu hút, hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp CNC.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: Để phù hợp với mục tiêu và đảm bảo quy định về dung lượng, luận án chỉ tập trung nghiên cứu các doanh nghiệp CNC trong bối cảnh CMCN lần thứ tư dưới góc độ kinh tế chính trị, trong đó tập trung vào 3 nội dung: số lượng, chất lượng và cơ cấu; không nghiên cứu góc độ công nghệ, kỹ thuật.

- Phạm vi không gian: Đề tài chỉ nghiên cứu các doanh nghiệp CNC ở khu CNC Đà Nẵng trong bối cảnh CMCN lần thứ tư. Đây là những doanh nghiệp CNC đáp ứng được các điều kiện, tiêu chí về dự án CNC và sản phẩm CNC trong quy định của Ban Quản lý (BQL) khu CNC Đà Nẵng. BQL đã xét chọn và hỗ trợ các doanh nghiệp này trong quá trình thu hút đầu tư và hoạt động tại khu CNC Đà Nẵng.

- Phạm vi về thời gian: Luận án phân tích và đánh giá thực trạng của các doanh nghiệp CNC ở khu CNC Đà Nẵng trong giai đoạn 2010-2022, đề xuất giải pháp đến 2030.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận án vận dụng lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, cùng hệ thống chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về doanh nghiệp CNC và phát triển doanh nghiệp CNC ở Việt Nam.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp trừu tượng hoá khoa học: Tác giả đã sử dụng phương pháp này trong toàn bộ luận án.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phương pháp này đã được NCS sử dụng xuyên suốt trong quá trình xây dựng luận án và được áp dụng phổ biến ở chương 2 và chương 3 của luận án.

Phương pháp thống kê và so sánh: Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở chương 3 của luận án.

Phương pháp lô gic và lịch sử: Phương pháp này đã được NCS sử dụng phổ biến ở chương 2, chương 3 và chương 4 của luận án.

6. Điểm mới và đóng góp của luận án

Một là, Góp phần làm rõ, bổ sung lý luận về doanh nghiệp CNC như (1) Đưa ra khái niệm, vai trò của doanh nghiệp CNC, quan niệm về phát triển doanh nghiệp CNC, yêu cầu đặt ra đối với doanh nghiệp CNC trong bối cảnh CMCN lần thứ tư, nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp CNC trong bối cảnh CMCN lần thứ tư; (2) Rút ra bài học kinh nghiệm từ một số địa phương trong và ngoài nước về phát triển doanh nghiệp CNC ở khu CNC Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, Đánh giá đúng thực trạng của doanh nghiệp CNC ở khu CNC Đà Nẵng trong giai đoạn 2010 - 2022 và đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm phát triển doanh nghiệp CNC ở khu CNC Đà Nẵng trong bối cảnh CMCN lần thứ tư đến năm 2030.

Ba là, Kết quả nghiên cứu của luận án có thể là tài liệu tham khảo cho các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu liên quan đến phát triển doanh nghiệp CNC.

7. Kết cấu của luận án

Luận án được kết cấu gồm phần mở đầu, 4 chương (11 tiết), kết luận, danh mục các công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến công nghệ cao, khu công nghệ cao

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập, (Tập 46*); (2) Võ Đại Lược (2002), *Xây dựng và phát triển các khu CNC;* (3) Vũ Đình Cự, Trần Xuân Sầm (2006), *Lực lượng sản xuất mới và kinh tế tri thức*; (4) Hoàng Xuân Long (2007), *Một số vấn đề trong phát triển khu CNC hiện nay*; (5) và (6) Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia (2007), *Tổng luận khoa học Chính sách phát triển công nghệ của một số nước, Tổng luận khoa học Phát triển nhân lực KH&CN ở các nước ASEAN*; (7) Phan Xuân Dũng (2008), *Công nghệ tiên tiến và CNC với tiến trình công nghiệp hoá hiện đại hoá ở Việt Nam*; (8) Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia (2009), *Tổng luận khoa học Kinh nghiệm về dự báo và lựa chọn công nghệ ưu tiên của một số nước trên thế giới;* (9) Nguyễn Minh Ngọc (Chủ biên) và các cộng sự (2018), *Định hướng chiến lược phát triển khu CNC Đà Nẵng*.

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu nước ngoài

(1) Saxenian, A. (1994), *Regional Advantage: Culture and Competition in Silicon Valley and Route 128*; (2) Saxenian, A. (2002), *Brain Circulation: How High-Skill Immigration Makes Everyone Better Off;* (3) DeVol, R. (1999), *America's High-tech Economy: Growth, Development, and Risks for Metropolitan Areas*; (4) Ki, J. H. (2002), *A statistical analysis of the formation and location factors of high-tech centers in the United States, 1950-1997: An evaluation using quasi-experimental control group methods*; (5) United Kingdom Science Park Association - UKSPA (2003), *Concept and definition*; (6) Link, A. N., & Scott J.T. (2003), *U.S. Science Parks: The Diffusion of an Innovation and Its Effects on the Academic Mission of Universities*; (7) Link, A.N. and Scott, J.T. (2006), *U.S. University Research Parks*; (8) Link, A.N. and Scott, J.T. (2007), *The Economics of University Research Parks*; (9) World

Bank (2010), *Innovation Policy: A Guide for Developing Countries*; (10) Xie Cheng (2012), *Varying significance of influencing factors in developing high-tech clusters, using cities of The U.S. and China as example*; (11) European Commission (2013), *Setting up, managing and evaluating EU science and technology parks*; (12) Gibson, D. V. & Butler, J. S. (2013), *Sustaining the Technopolis: The Case of Austin, Texas*; (13) Hobbs, K. G., Link, A. N., & Scott, J. T. (2017), *The growth of US science and technology parks: does proximity to a university matter?*; (14) Zhuang, L. & Ye, C. (2020), *Changing imbalance: Spatial production of national high-tech industrial development zones in China (1988-2018), Land Use Policy, Volume 94*.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến doanh nghiệp công nghệ cao

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

(1) Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách KH&CN (2003), *Nghiên cứu cơ chế và chính sách phát triển thị trường công nghệ ở Việt Nam*; (2) Đặng Phương Hoa (2004), *Một số vấn đề về sự phát triển của các khu CNC ở Trung Quốc*; (3) Trần Việt Lâm (2005), *Phát triển thị trường KH&CN: những vấn đề từ phía doanh nghiệp*; (4) Vũ Văn Hưng (2008), *Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN, chính sách cần được phát huy*; (5) Mai Văn Bảo (2008), *Kinh nghiệm quốc tế về thúc đẩy nhân lực KH&CN tham gia đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp;* (6) Cục Thông tin KH&CN Quốc gia (2010), *Chính sách thúc đẩy sự hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN: kinh nghiệm của Trung Quốc* (Tổng luận khoa học); (7) Hà Minh Hiệp (2012), *Cơ sở ươm tạo CNC, doanh nghiệp CNC và định hướng tại Việt Nam*; (8) Nguyễn Hữu Xuyên (2013), *Chính sách nhà nước nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ: nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội;* (9) Nguyễn Thanh Tùng (2014), *Hệ thống tiêu chí đánh giá hoạt động của các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp CNC*; (10) Lê Hải Minh (2015), *Đổi mới đầu tư KH&CN để doanh nghiệp Hà Nội phát triển bền vững*; (11) Phạm Khắc Tuấn (2018), *Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các khu công nghiệp*; (12) Bùi Hương (2020), *Sự bùng phát Covid-19: Phép thử cho ngành công nghệ Trung Quốc*; (13) Hoàng Xuân Long, Hoàng Lan Chi (2021), *Doanh*

nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030; (14) Trung tâm R&D truyền thông KH&CN (2021), *khu CNC Hòa Lạc: Bứt phá nhưng không quên giữ mục tiêu, vai trò, sứ mệnh*; (15) La Duy (2021), *Thu hút đầu tư mạnh mẽ vào khu CNC Hòa Lạc*; (16) Tiến Lực (2022), *20 năm khu CNC thành phố Hồ Chí Minh: Mô hình thành công*.

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu nước ngoài

(1) Maier, R. (2002), *Knowledge Management Systems*; (2) Davis, Ch. K. (2003), *Technologies & methodologies for evaluating information technology in business*; (3) Vass, I. (2009), *Science and Technology Park Developments in Hungary*; (4) Barker, J. (2009), *Understanding research, science and technology parks: Global best practices*; (5) Saad, Mohammad; Girma, Zawdie (2011), *Theory and Practice of Triple Helix Model in Developing Countries*; (6) Zakrzewska-Bielawska, A. (2010), *High Technology Company - Concept, Nature, Characteristics*; (7) Abidin, R. & et al (2013), *The impact of Technology parks services on the High Technology Industry: A case study on Kulim Hi-Tech Park*; (8) Dan Senor (2015), *Quốc gia khởi nghiệp, Câu chuyện về nền kinh tế thần kỳ của Israel*; (9) Klaus Schwab (2018), *CMCN lần thứ tư* (phiên bản tiếng Việt); (10) Ravin Jesuthasan, John Boudreau (2019), " *Reinventing Jobs - Nguồn nhân lực trong thời đại 4.0*"; (11) Wang, H. (2021), *Study on the Cultivation and Development Strategies of Hightech Enterprises in Shandong Province under the Background of the Transformation of Old Growth Drivers to New Ones;* (12) Huang, R. (2022), *Study on the Factors of High-tech Enterprises*; (13) Kulim Hi - Tech Park (2022), *Manufacturing business expansion at Kulim Hi-Tech Park*.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CHỦ YẾU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ CÁC KHOẢNG TRỐNG MÀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả chủ yếu của các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án

Thứ nhất, về lý luận doanh nghiệp CNC và phát triển doanh nghiệp CNC: Một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến các vấn đề lý luận liên

quan đến ngành CNC, khu CNC, doanh nghiệp CNC và phát triển doanh nghiệp CNC.

Thứ hai, về thực trạng doanh nghiệp CNC: Một số công trình khoa học đã đề cập đến thực trạng và đánh giá khái quát về vai trò và những hạn chế, bất cập vẫn còn tồn tại của doanh nghiệp CNC nói chung, doanh nghiệp CNC ở khu CNC nói riêng.

Thứ ba, về giải pháp phát triển doanh nghiệp CNC: Dưới các góc độ tiếp cận khác nhau, các công trình đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề xuất một số giải pháp phát triển doanh nghiệp CNC.

Nhìn chung, các công trình, bài viết của các tác giả trong nước và quốc tế nghiên cứu về doanh nghiệp CNC mới đề cập, phân tích những mặt, những khía cạnh, những lát cắt đơn lẻ hoặc một phần đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án.

Tóm lại, thực tiễn đến nay, Việt Nam chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng trong bối cảnh CMCN lần thứ tư dưới góc độ chuyên ngành kinh tế chính trị. Như vậy, đề tài của luận án là mới và không trùng lặp với các công trình đã công bố.

1.2.2. Khoảng trống nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu, hệ thống hóa để làm rõ cơ sở lý luận về doanh nghiệp CNC và phát triển doanh nghiệp CNC trong bối cảnh CMCN lần thứ tư như: (1) Cần xác định khái niệm doanh nghiệp CNC, những yêu cầu đặt ra của CMCN lần thứ tư đối với doanh nghiệp CNC; (2) Đưa ra quan niệm về phát triển doanh nghiệp CNC, từ đó chỉ ra chủ thể, nội dung và phương thức phát triển; (3) Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp CNC trong bối cảnh CMCN lần thứ tư; (4) Khảo sát kinh nghiệm phát triển doanh nghiệp CNC trong và ngoài nước và rút ra bài học kinh nghiệm đối với Đà Nẵng.

Thứ hai, tiến hành thu thập và xử lý số liệu thứ cấp để phân tích và đánh giá khách quan thực trạng của doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng trong bối cảnh CMCN lần thứ tư (giai đoạn 2010 - 2022). Trên cơ sở đó, luận án sẽ làm rõ nguyên nhân của thực trạng đó, đồng thời chỉ ra những vấn đề được đặt ra cần phải giải quyết từ thực trạng của doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng trong giai đoạn 2010 - 2022.

Thứ ba, đề xuất quan điểm và giải pháp phát triển doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng theo logíc phân tích làm rõ cơ sở, nội dung, yêu cầu và biện pháp thực hiện của từng giải pháp sát với đặc điểm và điều kiện của khu CNC Đà Nẵng nhằm tạo ra đột phá trong phát triển doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đến năm 2030.

Chương 2
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

2.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHU CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

- *Quan niệm về khu CNC:* Khu CNC là cơ sở hoặc khu vực kinh tế - kỹ thuật đa chức năng nhằm hỗ trợ và thúc đẩy phát triển CNC, thông qua tập trung, liên kết hoạt động nghiên cứu, ươm tạo và ứng dụng CNC; ươm tạo và phát triển doanh nghiệp CNC; đào tạo nhân lực CNC; sản xuất và kinh doanh sản phẩm CNC, cung ứng dịch vụ CNC.

- Quan niệm về CNC: CNC ở Việt Nam thuộc những lĩnh vực công nghệ mới được Bộ KH&CN chứng nhận trong khoảng thời gian nhất định, có hàm lượng cao về R&D và khả năng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, từ đó hình thành các ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hoá ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.

- *Khái niệm doanh nghiệp CNC:* Doanh nghiệp CNC là doanh nghiệp ứng dụng CNC nhằm sản xuất sản phẩm CNC hoặc cung ứng dịch vụ CNC, dựa trên trình độ xã hội hoá cao về lực lượng sản xuất, đội ngũ lao động chuyên nghiệp, đầu tư cho R&D lớn và phương thức quản lý hiện đại.

- Vai trò của doanh nghiệp CNC trong phát triển kinh tế - xã hội: *Một là,* thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất; *Hai là,* hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội; *Ba là,* thúc đẩy đổi mới thường xuyên chiến lược kinh doanh, hoàn thiện thể chế kinh tế; *Bốn là,* chuyển dịch cơ cấu kinh tế, động lực tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.

- *Quan niệm về phát triển doanh nghiệp CNC:* Phát triển doanh nghiệp CNC là hoạt động chủ động, tích cực của các chủ thể thông qua việc vận dụng tổng thể, đồng bộ các cách thức, biện pháp nhằm làm thay đổi theo hướng gia tăng về số lượng, mở rộng về quy mô, nâng cao chất lượng, ngày càng hoàn thiện về cơ cấu của các doanh nghiệp CNC, cơ sở nghiên cứu CNC… nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả, đổi mới công nghệ, đẩy mạnh sản xuất sản phẩm CNC, cung ứng dịch vụ CNC, có khả năng liên kết cùng hợp tác, cùng cạnh tranh, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần phát triển khu CNC theo mô hình hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, dẫn dắt quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng dựa vào công nghệ mới trong kỷ nguyên của trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật (IoT). Quan niệm này bao gồm những nội dung cơ bản sau: (1) Mục đích phát triển; (2) Chủ thể phát triển; (3) Cách thức và biện pháp phát triển.

- *Khái quát về CMCN lần thứ tư:* Cuộc CMCN lần thứ tư đang được hình thành trên nền tảng của cuộc CMCN lần thứ ba, đó là cuộc cách mạng số, đã bắt đầu xuất hiện từ giữa thế kỷ trước với đặc trưng là sự kết hợp các công nghệ giúp xóa nhòa ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, số hóa và sinh học. Bản chất công nghệ của CMCN lần thứ tư là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh, công nghệ cao để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; là sự kết hợp của hệ thống thực và ảo.

- *Yêu cầu đặt ra của CMCN lần thứ tư đối với doanh nghiệp CNC: Một là,* doanh nghiệp CNC cần xây dựng chiến lược kinh doanh thích nghi linh hoạt với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường bên ngoài; *Hai là,* doanh nghiệp CNC cần thay đổi phương thức sản xuất, chế tạo; *Ba là,* doanh nghiệp CNC cần tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực; *Bốn là,* doanh nghiệp CNC cần thiết lập môi trường hoạt động vi mô hiện đại, đổi mới.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

2.2.1. Nội dung, tiêu chí đánh giá phát triển doanh nghiệp công nghệ cao trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- Gia tăng về số lượng và mở rộng về quy mô các doanh nghiệp CNC, dự án tham gia sản xuất sản xuất CNC và cung ứng dịch vụ CNC

Tiêu chí đánh giá sự gia tăng về số lượng của các doanh nghiệp CNC là: Mức độ gia tăng số lượng các doanh nghiệp CNC được thu hút đầu tư mới trong một khoảng thời gian nhất định; Đảm bảo gia tăng về số lượng theo từng năm và trong giai đoạn nhất định.

Tiêu chí đánh giá phát triển doanh nghiệp CNC về quy mô: Số lượng vốn đầu tư, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất và nghiên cứu được xây dựng ban đầu và mức độ mở rộng quy mô vốn, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất và nghiên cứu sau một thời gian nhất định của doanh nghiệp CNC; mức độ đảm bảo số lượng nhân lực tham gia tại doanh nghiệp CNC.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp CNC, dự án tham gia sản xuất sản phẩm CNC và cung ứng dịch vụ CNC

Tiêu chí để đánh giá phát triển doanh nghiệp CNC về mặt chất lượng là: Điều kiện, môi trường làm việc và các yếu tố cấu thành giá trị sức lao động của người lao động; tỷ lệ đầu tư cho R&D của các doanh nghiệp hàng năm và mức độ hiệu quả đóng góp của việc nghiên cứu, ứng dụng CNC đối với phát triển kinh tế - xã hội; mức độ hiện đại và năng lực sản xuất của các doanh nghiệp; hiệu quả do liên kết, hợp tác mang lại; khả năng cạnh tranh của các sản phẩm CNC được đánh giá thông qua giá trị sản xuất và kim ngạch xuất khẩu của sản phẩm và doanh thu của các doanh nghiệp CNC; hiệu quả thực hiện các chính sách để đánh giá chất lượng quản lý của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, BQL khu CNC đối với phát triển doanh nghiệp CNC.

- Hợp lý hóa về cơ cấu doanh nghiệp CNC.

Tiêu chí đánh giá sự hợp lý hoá về cơ cấu các doanh nghiệp CNC là mức độ hợp lý trong phân bổ doanh nghiệp, dự án tham gia sản xuất sản phẩm CNC, cung ứng dịch vụ CNC giữa các thành phần kinh tế và các ngành, lĩnh vực CNC. Từ đó, mức độ hợp lý phải đảm bảo sự phát triển cân đối, hài hoà trong cơ cấu doanh nghiệp CNC về thành phần kinh tế, các ngành, lĩnh vực CNC và trong cơ cấu nhân lực của doanh nghiệp CNC về nhân lực R&D và nhân lực sản xuất.

2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp công nghệ cao trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Thứ nhất, Công tác quy hoạch tổng thể, cơ chế, chính sách của Nhà nước.

Thứ hai, Môi trường chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội.

Thứ ba, Các nguồn lực của doanh nghiệp công nghệ cao.

Thứ tư, Tác động của bối cảnh quốc tế và khu vực.

2.3. KINH NGHIỆM TRONG NƯỚC, QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ VÀ BÀI HỌC CHO ĐÀ NẴNG

2.3.1. Kinh nghiệm trong nước, quốc tế về phát triển doanh nghiệp công nghệ cao trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2.3.1.1. Kinh nghiệm quốc tế

* Kinh nghiệm ở Giang Tô, Quảng Đông và Sơn Đông, Trung Quốc: (1) Đề cao vai trò của Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương trong phát triển doanh nghiệp CNC; (2) Đầu tư cho R&D, đổi mới KH&CN, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao để tạo động lực cho phát triển doanh nghiệp CNC; (3) Coi trọng công tác ươm tạo và phát triển doanh nghiệp CNC ở các địa phương.

* Kinh nghiệm ở Kedah và Kuala Lumpur, Malaysia: (1) Phát huy vai trò của Chính phủ, chính quyền địa phương, khu CNC trong việc phát triển doanh nghiệp CNC; (2) Đầu tư cho R&D, thu hút nhân lực chất lượng cao, tăng cường đổi mới công nghệ và xây dựng mô hình thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN; (3) Tăng cường liên kết, hợp tác trong phát triển doanh nghiệp CNC.

2.3.1.2. Kinh nghiệm trong nước

* Kinh nghiệm ở khu CNC Hòa Lạc, Hà Nội: (1) Ban hành chính sách thu hút đầu tư, đa dạng nguồn vốn trong phát triển doanh nghiệp CNC; (2) Phát triển năng lực nội sinh R&D, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; (3) Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; (4) Tạo sự liên kết, hợp tác giữa các chủ thể hữu quan trong việc phát triển doanh nghiệp CNC.

* Kinh nghiệm ở khu CNC thành phố Hồ Chí Minh: (1) Chính quyền thành phố ban hành chương trình phát triển các ngành CNC mũi nhọn, chủ lực để thu hút đầu tư; (2) Phát triển hạ tầng và ban hành chính sách tạo sức hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong phát triển doanh nghiệp CNC; (3) Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu - đào tạo, đặc biệt là ươm tạo doanh nghiệp CNC, nhằm góp phần xây dựng năng lực nội sinh về CNC; (4) Doanh nghiệp CNC tăng cường mối liên kết, hợp tác với các chủ thể hữu quan.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm cho phát triển doanh nghiệp công nghệ cao ở khu công nghệ cao Đà Nẵng

Thứ nhất, phát huy vai trò của Chính phủ, chính quyền địa phương và khu CNC trong việc phát triển các doanh nghiệp CNC.

Thứ hai, các doanh nghiệp CNC lấy hoạt động R&D làm trọng tâm, tăng cường đổi mới sáng tạo, gia tăng năng lực nội sinh, phát triển sản phẩm chủ lực.

Thứ ba, tăng cường hoạt động thu hút, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp CNC.

Thứ tư, các doanh nghiệp CNC phải chú ý đến việc liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, các trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo, đặc biệt là các trường đại học.

Chương 3
THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

3.1. KHÁI QUÁT VỀ KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG VÀ CHỦ TRƯƠNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

3.1.1. Khái quát về khu công nghệ cao Đà Nẵng

Vị trí địa lý, vai trò, mục đích thành lập, mô hình khu CNC Đà Nẵng, công tác quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng,...

3.1.2. Chủ trương phát triển doanh nghiệp công nghệ cao ở Đà Nẵng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- Nhóm chính sách của Chính phủ
- Nhóm chính sách, giải pháp của thành phố Đà Nẵng

3.2. THỰC TRẠNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

3.2.1. Số lượng và quy mô doanh nghiệp, dự án tham gia sản xuất sản phẩm công nghệ cao và nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công nghệ cao

Giai đoạn 2010 - 2022, khu CNC Đà Nẵng đã thu hút và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho tổng số là 27 dự án, trong đó có 14 dự án trong nước và 13 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Bảng Kết quả thu hút các dự án tham gia sản xuất sản phẩm CNC và cung ứng dịch vụ CNC (Giai đoạn 2010 - 2022)

Giai đoạn	Năm	Tổng số dự án đầu tư tăng thêm	Tỷ lệ gia tăng so với tổng số dự án đầu tư (%)
2010 - 2015	02/2015	03	-
2016 - 2020	11/2020	19	86,36
2021 - 2022	31/12/2022	05	-
Tổng số		**27**	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Quản lý Doanh nghiệp và Lao động.

Bảng Kết quả thu hút các dự án tham gia sản xuất sản phẩm CNC và cung ứng dịch vụ CNC ở khu CNC Đà Nẵng theo từng năm (Giai đoạn 2010-2022)

STT	Năm	Số lượng dự án đầu tư		Vốn đầu tư	
		Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Vốn đầu tư trong nước	Triệu USD	Tỷ đồng
1	2010	-	-	-	-
2	2011	-	-	-	-
3	2012	1	-	40	-
4	2013	1	-	30	-
5	2014	-	-	-	-
6	2015	-	1	-	10
7	2016	-	1	-	1.500
8	2017	1	2	28	389
9	2018	3	4	60,46	3.261,029
10	2019	3	-	181,14	-
11	2020	1	4	60	1.133,052
12	2021	2	-	145	-
13	2022	1	2	60	954,7
Tổng cộng		**13**	**14**	**604,6**	**6.290,091**

Nguồn: Báo cáo của Phòng Quản lý Doanh nghiệp và Lao động.

Tính đến 12/2022, Đà Nẵng có 27 dự án đầu tư tham gia sản xuất sản phẩm CNC và cung ứng dịch vụ CNC, trong đó, 11/27 dự án đã đi vào hoạt động, có 6/27 dự án đang đầu tư xây dựng, 10/27 dự án đang làm thủ tục liên quan sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Số lượng hoạt động liên kết, hợp tác giữa các chủ thể tham gia: Hoạt động liên kết, hợp tác trong sản xuất sản phẩm CNC và cung ứng dịch vụ CNC của các chủ thể bước đầu đã có sự gia tăng trên các lĩnh vực như vốn, KH&CN, nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng sản xuất,… BQL khu CNC Đà Nẵng đã tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư cho phát triển doanh nghiệp CNC và là đầu mối để xét chọn các dự án đầu tư vào khu CNC.

Quy mô vốn ban đầu: Từ 2010 - 2022, Đà Nẵng có 13 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đầu tư 604,6 triệu USD, đa số đến từ các công ty của các nước châu Á và Hoa Kỳ. Về cơ bản, đa số các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đều có quy mô nhỏ, vốn đầu tư ban đầu còn thấp.

Quy mô cơ sở phục vụ sản xuất và nghiên cứu: Trong 11/27 doanh nghiệp CNC đang hoạt động tại khu CNC Đà Nẵng, mỗi doanh nghiệp CNC đều có ít nhất một nhà máy sản xuất và nghiên cứu, song, các doanh nghiệp này chưa có nhu cầu mở rộng quy mô cơ sở sản xuất và nghiên cứu.

Quy mô nguồn nhân lực: Hiện nay, các doanh nghiệp CNC đã giải quyết việc làm cho 1.646 người lao động. Nhìn chung, tùy thuộc vào loại hình chức năng, bước đầu các doanh nghiệp CNC đã có một đội ngũ nhân lực đảm bảo về số lượng cho sản xuất sản phẩm CNC và cung ứng dịch vụ CNC.

3.2.2. Chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp công nghệ cao, dự án tham gia sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao

Trình độ công nghệ: Về cơ bản, các CNC được ứng dụng tại các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đều thuộc các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư ở khu CNC Đà Nẵng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp CNC trong nước tham gia các dự án sản xuất sản phẩm CNC chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, quy mô sản xuất không lớn nên trình độ trang thiết bị với hệ thống dây chuyền sản xuất chưa hiện đại. Mức độ hợp tác quốc tế trong CGCN và sản xuất của một số doanh nghiệp CNC còn hạn chế. Các doanh

nghiệp CNC trong nước, chưa tiếp cận được CNC nguồn có đẳng cấp trong khu vực và quốc tế.

Chất lượng hoạt động R&D: Mỗi doanh nghiệp CNC đều có trung tâm chuyên R&D và phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác này. Tổng chi bình quân hàng năm cho hoạt động R&D của các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng phải chiếm khoảng 1% của tổng doanh thu theo quy định thu hút đầu tư của BQL khu CNC Đà Nẵng. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp CNC vẫn chưa thực sự chú trọng đến hoạt động R&D. Tất cả các doanh nghiệp CNC có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở khu CNC Đà Nẵng chỉ là những cơ sở vệ tinh cho các công ty mẹ ở nước ngoài nên hầu như không đầu tư cho hoạt động R&D. Đồng thời, các doanh nghiệp CNC được thu hút đầu tư tại Đà Nẵng có đầu tư cho hoạt động R&D thì hiệu quả của hoạt động này vẫn còn thấp, đặc biệt là các doanh nghiệp CNC trong nước, chưa nghiên cứu, phát minh được các CNC nguồn, có giá trị kinh tế xã hội cao.

Chất lượng liên kết, hợp tác trong sản xuất sản phẩm CNC và cung ứng dịch vụ CNC tại khu CNC Đà Nẵng đã được nâng cao. Quá trình hợp tác, liên kết giữa các tổ chức, cá nhân hoạt động CNC ở địa phương đã mang lại hiệu quả cao trong huy động các nguồn lực như vốn, KH&CN... Nhìn chung, hoạt động liên kết, hợp tác trong sản xuất sản phẩm CNC và cung ứng dịch vụ CNC còn yếu, đặc biệt là các hoạt động hỗ trợ cho các doanh nghiệp CNC. Các hoạt động xúc tiến đầu tư của BQL khu CNC Đà Nẵng, kết nối giữa các nhà đầu tư với các trường đại học và các viện, trung tâm nghiên cứu cũng chỉ mới dừng lại ở việc tìm hiểu, trao đổi kinh nghiệm, thiết lập các quan hệ hợp tác.

Chất lượng nguồn nhân lực. Các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng bước đầu hình thành đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu sản xuất hiện đại, song, nguồn nhân lực chỉ mới đáp ứng một phần yêu cầu của nền sản xuất hiện đại của các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng.

Chất lượng sản phẩm được sản xuất tại các doanh nghiệp CNC ở khu CNC Đà Nẵng. Trước hết, các sản phẩm của dự án sản xuất thuộc Danh mục sản phẩm CNC khuyến khích phát triển tại khu CNC Đà Nẵng, bước đầu các sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bảng Kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng trong 2 năm 2021 và 2022.

STT	Năm	Doanh thu (Tỷ đồng)	Xuất khẩu (USD)	Nhập khẩu (USD)	Nộp ngân sách* (Triệu đồng)
1	2021	812,733	15.902.921	34.420.631	141.401
2	2022	2.491,417	64.182.679	65.394.246	157.739

** Nộp ngân sách bao gồm thuế và hải quan.*

Nguồn:Báo cáo của phòng Quản lý Doanh nghiệp và Lao động.

3.2.3. Cơ cấu của các doanh nghiệp, dự án tham gia sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao

Cơ cấu vốn đầu tư xây dựng hạ tầng cơ bản bao gồm 54% vốn đầu tư được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước (trong đó Trung ương 36% và Đà Nẵng 18%) và 46% vốn đầu tư được huy động từ các nguồn vốn khác.

Bảng Kết quả thu hút các dự án tham gia sản xuất sản phẩm CNC và cung ứng dịch vụ CNC ở khu CNC Đà Nẵng phân theo loại hình chức năng

(Giai đoạn 2010-2022)

STT	Loại hình chức năng	Số lượng Dự án đang hoạt động		Số lượng Dự án đang làm thủ tục sau cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
		Vốn trực tiếp nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn trực tiếp nước ngoài	Vốn trong nước
1	Sản xuất	6	1	4	5
2	Nghiên cứu	-	2	-	1
3	Dịch vụ	-	1	2	3
4	Nghiên cứu và sản xuất	-	1	1	-
Tổng cộng		**6**	**5**	**7**	**9**

Nguồn: Báo cáo của phòng Quản lý Doanh nghiệp và Lao động.

Phần lớn các doanh nghiệp CNC, dự án thu hút đầu tư đều thực hiện chức năng sản xuất (16/27 dự án), đa số các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được thu hút vào khu CNC (10/16 dự án) đều thực hiện chức năng sản xuất. Số lượng doanh nghiệp CNC thực hiện chức năng nghiên cứu, nghiên cứu - sản xuất và tham gia cung ứng dịch vụ CNC chiếm tỷ lệ còn thấp lần lượt là 18,52% và 22,22%.

Giai đoạn 2010 - 2022, các doanh nghiệp CNC đang hoạt động và đang làm thủ tục sau cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đều có sự tham gia của các chủ đầu tư thuộc các thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Về cơ bản, ngành nghề sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp CNC có sự đa dạng, hợp lý và đều thuộc các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư ở Đà Nẵng. Các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đã tuyển dụng được một đội ngũ nhân lực có sự cân đối và hợp lý về cơ cấu.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

3.3.1. Những kết quả đạt được

Một là, sự gia tăng về số lượng và quy mô của doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đã góp phần gia tăng việc làm, vốn đầu tư cho phát triển các ngành CNC của thành phố, đạt được những thành tựu bước đầu của việc thực hiện chủ trương phát triển khu CNC, hoàn thiện môi trường thu hút đầu tư cho phát triển các ngành CNC.

Hai là, các doanh nghiệp CNC đang từng bước thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng lực KH&CN của Đà Nẵng và quốc gia, tạo lập nền tảng phát triển CNC.

Ba là, sự liên kết, hợp tác về nguồn lực và xây dựng kết cấu hạ tầng cho phát triển doanh nghiệp CNC của các chủ thể liên quan đã hình thành và đa dạng hóa về hình thức tham gia, phát huy được tiềm năng và lợi thế cho phát triển các ngành CNC, khu CNC Đà Nẵng.

Bốn là, các doanh nghiệp CNC bước đầu sản xuất được một số sản phẩm CNC, góp phần vào việc nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh cho các sản phẩm, dịch vụ của thành phố, đóng góp vào ngân sách của Đà Nẵng.

3.3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Những tồn tại, hạn chế:

Một là, về cơ bản, đa số các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đều có quy mô nhỏ, vốn đầu tư ban đầu còn thấp, số lượng vẫn còn quá nhỏ so với khu CNC Hòa Lạc và khu CNC thành phố Hồ Chí Minh.

Hai là, nhìn chung, chất lượng đầu tư cho R&D và nguồn nhân lực vẫn chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu của nền sản xuất hiện đại của các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng.

Ba là, các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng vẫn chưa có sự hài hòa, cân đối trong cơ cấu các loại hình chức năng.

Bốn là, liên kết, hợp tác giữa các chủ thể liên quan trong việc phát triển doanh nghiệp CNC vẫn còn một số bất cập.

Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

Một là, bất cập trong công tác xây dựng, phát triển, quản lý và vận hành khu CNC.

Hai là, sự thiếu nhất quán trong cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư.

Ba là, hoạt động đào tạo nhân lực CNC ở Đà Nẵng còn hạn chế.

Bốn là, hoạt động KH&CN nhằm phát triển CNC ở Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng còn hạn chế.

Năm là, mức độ liên kết của các chủ thể chưa chặt chẽ, còn mang tính hình thức, dẫn đến chưa huy động các nguồn lực trong phát triển doanh nghiệp CNC.

3.3.3. Vấn đề đang đặt ra

- Định hướng phát triển doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đến năm 2030 như thế nào?

- Môi trường chính trị - xã hội và pháp lý cho sự phát triển doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đến năm 2030 ra sao?

- Hoạt động khai thác các nguồn vốn, công nghệ... từ đầu tư trực tiếp nước ngoài, và nâng cao năng lực công nghệ quốc gia như thế nào?

- Liên kết, hợp tác trong phát triển doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đến năm 2030 như thế nào?

Chương 4
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

4.1. DỰ BÁO BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC VÀ THÀNH PHỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở ĐÀ NẴNG

4.1.1. Bối cảnh quốc tế

4.1.2. Bối cảnh trong nước và thành phố Đà Nẵng

4.2. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

4.2.1. Quan điểm, định hướng phát triển khu công nghệ cao Đà Nẵng đến năm 2030

Quan điểm tổng quát, định hướng và mục tiêu tổng quát phát triển khu CNC Đà Nẵng.

4.2.2. Quan điểm phát triển các doanh nghiệp công nghệ cao ở Đà Nẵng đến năm 2030

Thứ nhất, phát triển các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố và quy hoạch phát triển khu CNC Đà Nẵng.

Thứ hai, phát triển các doanh nghiệp CNC phải dựa vào nội lực là chủ yếu đi đôi với huy động có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài.

Thứ ba, phát triển các doanh nghiệp CNC phải đặc biệt coi trọng hoạt động R&D CNC và định hướng chiến lược đầu tư vào lĩnh vực CNC, phát triển các ngành công nghiệp CNC.

Thứ tư, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp CNC ở khu CNC Đà Nẵng phải bảo đảm phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường.

4.3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2030

4.3.1. Xây dựng kế hoạch phát triển các doanh nghiệp công nghệ cao ở Đà Nẵng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư phát triển khu công nghệ cao Đà Nẵng

Hình thành và phát triển các doanh nghiệp CNC mỏ neo.

Lựa chọn và thu hút các doanh nghiệp CNC có triển vọng sử dụng/thu hút các lao động KH&CN trình độ cao; có chiến lược cạnh tranh/phát triển dựa vào CNC.

Cần xây dựng lộ trình phát triển cụ thể đối với các lĩnh vực CNC mũi nhọn và các ngành công nghiệp CNC trọng tâm ưu tiên phát triển theo từng giai đoạn phù hợp với điều kiện của Đà Nẵng và kế hoạch phát triển của khu CNC thành phố.

Hình thành các cụm ngành công nghiệp tạo nền tảng phát triển các ngành công nghiệp mới ở miền Trung.

4.3.2. Hoàn thiện khuôn khổ thể chế và cơ chế, chính sách phát triển các doanh nghiệp công nghệ cao ở Đà Nẵng trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cần tích cực quán triệt, tổ chức thực hiện đầy đủ, nhanh chóng và nghiêm túc những chủ trương, chính sách và quy định thống nhất của Đảng và Chính phủ trong phát triển doanh nghiệp CNC ở toàn quốc nói chung, ở Đà Nẵng nói riêng.

Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng.

Tăng cường hỗ trợ phát triển sản phẩm CNC ở các doanh nghiệp CNC, các dự án CNC có quy mô lớn.

Hoàn thiện khung mô hình quản lý khu CNC Đà Nẵng.

Nghiên cứu cơ chế, chính sách và hỗ trợ đầu tư trên lĩnh vực CNC.

4.3.3. Phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực công nghệ cao đáp ứng yêu cầu phát triển doanh nghiệp công nghệ cao ở Đà Nẵng

Đổi mới mạnh mẽ phương thức đào tạo của các trường đại học và trung tâm đào tạo, đặc biệt là hệ thống trường đào tạo lĩnh vực CNC.

Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ nhân lực cho thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng.

Tạo bước đột phá trong đổi mới và hoàn thiện về cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực CNC đáp ứng yêu cầu phát triển các doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng.

Nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đào tạo nghề ở Đà Nẵng.

4.3.4. Tăng cường liên kết, hợp tác trong phát triển các doanh nghiệp công nghệ cao ở khu công nghệ cao Đà Nẵng

Giải pháp chung: (1) Đề ra kế hoạch, giải pháp mở rộng các quan hệ liên kết kinh tế giữa chính quyền, BQL khu CNC, các doanh nghiệp CNC, các tổ chức, chủ thể tham gia liên kết, các ngành kinh tế và liên kết kinh tế quốc tế; (2) cần sớm xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật kinh tế; (3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng.

Giải pháp cụ thể: (1) Cần có sự chủ động liên kết với các địa phương khu vực miền Trung - Tây Nguyên để phát triển các doanh nghiệp CNC dựa trên cơ sở phân tích thế mạnh của các địa phương tham gia liên kết; (2) Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với Nhà nước - Viện nghiên cứu, trường đại học - Ngân hàng trong phát triển doanh nghiệp CNC; (3) Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp CNC trong nước với các đối tác nước ngoài.

4.3.5. Cải thiện môi trường kinh doanh và tăng cường đầu tư mạo hiểm, khuyến khích địa phương xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp công nghệ cao ở Đà Nẵng

Cần xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp CNC.

Cần có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

KẾT LUẬN

Là một trong ba khu CNC được thành lập theo quy hoạch tổng thể phát triển khu CNC quốc gia đến năm 2030, khu CNC Đà Nẵng đã tích cực trong xúc tiến thu hút đầu tư để phát triển doanh nghiệp CNC trong giai đoạn 2010 - 2022. Thực trạng doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đã đạt được những kết quả bước đầu, song, thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, chưa phát huy được lợi thế của địa phương,... Từ đánh giá thực trạng doanh nghiệp CNC, những tồn tại, hạn chế và những nguyên nhân của nó đòi hỏi cần nhanh chóng có các giải pháp, chính sách phù hợp để phát triển doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đến năm 2030.

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, luận án đã thực hiện được những nội dung quan trọng sau:

(1) Hệ thống hoá và làm rõ những vấn đề lý luận chủ yếu liên quan đến doanh nghiệp CNC trong bối cảnh CMCN lần thứ tư. Đặc biệt, luận án đã đưa khái niệm doanh nghiệp CNC, quan niệm phát triển doanh nghiệp CNC, những yêu cầu đặt ra của CMCN lần thứ tư đối với doanh nghiệp CNC; nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp CNC trong bối cảnh CMCN lần thứ tư. Luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm phát triển doanh nghiệp CNC của các địa phương ở trong nước, ở nước ngoài và rút ra bài học kinh nghiệm cho Đà Nẵng.

(2) Trên cơ sở lý luận về doanh nghiệp CNC trong chương 2, luận án đã phân tích và đánh giá thực trạng doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng, làm rõ những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế. Từ đó, luận án đã xác định những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

(3) Luận án đã đề xuất bốn quan điểm cơ bản và năm giải pháp phát triển doanh nghiệp CNC ở Đà Nẵng đến năm 2030. Quan điểm và giải pháp đã được đề cập toàn diện trên các vấn đề về tạo dựng môi trường chính trị - kinh tế - xã hội; huy động các nguồn lực và phương thức nhằm phát triển doanh nghiệp ở Đà Nẵng trong bối cảnh CMCN lần thứ tư.

Các nội dung được trình bày trong luận án vừa có sự kế thừa và phát triển kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, vừa là sản phẩm nghiên cứu độc lập của NCS. Tuy nhiên, đây mới chỉ là kết quả bước đầu nên cần có sự nghiên cứu tiếp theo để bổ sung và hoàn thiện.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thanh Sơn, "Issues in development of Hi-tech parks in Danang, Vietnam", *12th International İstanbul Scientific Research Congress on Humanities and Social Sciences*, ISBN 978-975-00544-1-9, 01/2023, pg. 724-731.
2. Nguyễn Thị Hương, "Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghệ cao ở Đà Nẵng", *Tạp chí Tài chính*, ISSN: 2615-8973, Kỳ 2-3/2023 (797), tr.172-174.
3. Nguyễn Thị Hương, "Phát triển doanh nghiệp công nghệ cao ở Malayxia và gợi ý cho thành phố Đà Nẵng", *Tạp chí Tài chính*, ISSN: 2615-8973, Kỳ 2-5/2023 (801), tr.137-139.
4. Nguyễn Thị Hương, "Chính sách thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao ở Đà Nẵng", *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán*, ISSN 1859-4093, Kỳ 2 - 6/2023, tr.18-22.